TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 195/2021/DS-PT	
Ngày: 16/4/2021	
V/v "*Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tài sản*".	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phạm Văn Công

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2021/DS-PT ngày 23/03/2021 về việc: "Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 417/2021/QĐ-PT, ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Thu D, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: khóm 3, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn:

1/ Bà Đặng Ngọc T, sinh năm 1981;

2/ Bà Mai Thị T1 (Tâm), sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3/ Bà Nguyễn Thị Ngọc D (Hà), sinh năm 1979;

4/ Bà Ngô Thị Y, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: khóm 2, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn Đặng Ngọc T, Mai Thị T1, Ngô Thị Y và Nguyễn Thị Ngọc D có anh Đặng Văn Q, sinh năm 1995, theo văn bản ủy quyền ngày 15-3-2016 và ngày 17-4-2017. Địa chỉ: khóm 2, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lâm Văn L, sinh năm 1975 (Vắng mặt); Địa chỉ: 12528, ESPlanade, ST Austin, TX 78728, USA.

Người kháng cáo: Bà Đặng Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đoàn Thị Thu D trình bày:

Vào khoảng 08 giờ 20 phút, ngày 26-8-2009 bà D đang ngồi ăn sáng cùng với bà Dương Thị Bông tại quán của ông Lạc tại khu vực chợ hải sản thị trấn M thì có bà Đặng Ngọc T cùng với bà Mai Thị T1, bà Ngô Thị Y và bà Nguyễn Thị Ngọc D đến quán ông Lạc cho rằng bà D nói bà T ăn cắp mẫu móng tay nên cùng đánh bà D, sau đó được mọi người can ngăn ra, bà D trình báo sự việc với Công an thị trấn M, bà D bị thương tích và đi điều trị tại bệnh viện Đa khoa huyện C, sau đó đến điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh với tiền thuốc 360.000 đồng và tiền xe đi lại 100.000 đồng. Trong lúc xô xát bà D bị mất một số nữ trang như 01 đôi bông tai hột xoàn 4,95 ly, giá trị thời điểm lúc mất là 2.500USD (bằng 47.625.000 đồng) do chồng bà D là ông Lâm Văn L mua ở Mỹ đem về tặng. Ngoài ra còn mất 01 chiếc lắc đeo tay bạch kim 6,07 gram; 01 dây chuyền bạch kim 15,91 gram và 01 tua bông bạch kim 1,155 gram, tổng giá trị số nữ trang là 10.000.000 đồng. Căn cứ theo biên bản định giá ngày 13-9-2011 của Tòa án nhân dân huyện C thì tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 119.225.000 đồng từ đó ngày 03-7-2014 bà D làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu các bị đơn phải liên đới bồi thường cho bà tiền tổn hại sức khỏe là 460.000 đồng và tiền thiệt hại tài sản là 119.225.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà D ủy quyền cho ông Đặng Văn Chung làm người đại diện hợp pháp theo ủy quyền. Tại phiên tòa, bà D rút lại ủy quyền và bà tự mình tham gia phiên tòa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các đồng bị đơn là bà T, bà T1, bà Y và bà D phải liên đới bồi thường thiệt hại sức khỏe là 460.000 đồng và bồi thường thiệt hại tài sản là 119.225,000 đồng. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm.

Tại các bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đặng Ngọc T trình bày: nguyên nhân xảy ra đánh nhau do bà D nói xấu bà T rằng bà T ăn cắp mẫu móng tay của tiệm uốn tóc Hồng Chung nên bà T gặp bà D nói cho ra lẽ. Đến sáng ngày 26-8-2009 bà D đang ngồi ăn sáng với con bà D, lúc này bà T đến hỏi bà D thì bà D thách thức nên bà T đánh bà D một bạt tay, bà D cầm ly uống nước

đánh vào đầu bà T trúng vào nón bảo hiểm nhưng không gây ra hậu quả gì, sau đó bà T nắm tóc bà D và hai bên được mọi người can ngăn. Trong đó có bà T1, bà Y và bà D đến gỡ tay cầm ly và gỡ tay nắm tóc của bà D. Vì vậy, bà T1, bà Y và bà D không tham gia đánh bà D.

Sự việc xảy ra bà D trình báo Công an thị trấn M mời làm việc, khoảng 20 ngày sau Công an thị trấn M mời bà T đến để thông báo về việc bà D yêu cầu bà T bồi thường 10.000.000 đồng do tài sản bị mất gồm tua bông, dây chuyền, tấm lắc đeo tay (tất cả bằng bạch kim) nhưng bà T không đồng ý vì bà T không đụng đến thân xác hay có hành vi giật dây chuyền, tấm lắc, bông tai,... của bà D.

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung thì bà D yêu cầu bà T cùng với bà T1, bà Y và bà D liên đới bồi thường cho bà D tiền thuốc, tiền xe là 460.000 đồng và thiệt hại tài sản là 57.625.000 đồng, sau đó khởi kiện bổ sung thành 119.225.000 đồng là không đúng. Vì chỉ có mình bà T đánh bà D một bạt tay, nếu bà D chứng minh được số tài sản bị mất do bà T gây ra thì một mình bà T chịu trách nhiệm bồi thường chứ không liên quan đến bà T1, bà Y và bà D. Bên cạnh đó, trong lúc xô xát bà D có dùng ly uống nước đánh vào đầu của bà, nên ngày 09-6-2010 bà có làm đơn phản tố với nội dung yêu cầu bà D phải bồi thường thiệt hại sức khỏe với số tiền 577.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T ủy quyền cho anh Đặng Văn Q làm người đại diện hợp pháp theo ủy quyền. Tại phiên tòa, anh Quí đại diện cho bà T chấp nhận bồi thường tiền thuốc và tiền xe đi lại là 460.000 đồng, đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản là 119.225.000 đồng bà T không đồng ý, vì bà T không biết số nữ trang trên. Đồng thời bà T yêu cầu bà D phải bồi thường thiệt hại sức khỏe với số tiền 577.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại các bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn bà Mai Thị T1, bà Ngô Thị Y và bà Nguyễn Thị Ngọc D cùng trình bày: do bà D và bà T có quan hệ thân thuộc, khi thấy hai người đánh nhau nên chúng tôi đến can ngăn, không tham gia đánh nhau nên không đồng ý liên đới bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bà D.

Tại Bản án dân sự số 08/2017/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định:

Căn cứ các Điều 605, 606, 608 và Điều 609 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 06 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 37, Điều 147, Điều 153, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Pháp lệnh án phí, Lệ phí Tòa án; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thu D.

- Về bồi thường thiệt hại sức khỏe: Công nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại sức khỏe giữa bà Đặng Ngọc T và bà Đoàn Thị Thu D. Bà T tự nguyện bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà D với số tiền là 460.000 (bốn trăm sáu mươi nghìn) đồng, trong đó tiền thuốc 360.000 đồng và tiền xe đi lại 100.000 đồng.

- Về bồi thường thiệt hại tài sản: Buộc bà Đặng Ngọc T bồi thường thiệt hại tài sản bằng hiện vật cho bà Đoàn Thị Thu D tương đương với số tài sản bị mất cụ thể: 01 chiếc lắc đeo tay bạch kim trọng lượng 6,07 gram, 01 dây chuyền bạch kim trọng lượng 15,91 gram và 01 tua bông bạch kim trọng lượng 1,155 gram, tất cả bằng bạch kim Italia.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đặng Ngọc T yêu cầu bà Đoàn Thị Thu D bồi thường thiệt hại sức khỏe với số tiền 577.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/8/2017, ông Đặng Văn Q người đại diện theo ủy quyền của bà T kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm không chấp nhận việc bồi thường tài sản cho bà D, đề nghị chấp nhận đơn phản tố của bà T buộc bà D phải bồi thường thiệt hại thương tích cho bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đặng Văn Q trình bày: Nguyên nhân xô xát là do bà D, bà D xúc phạm bà T trước nên bà T mới đánh bà D. Bà D không cung cấp được chứng cứ thể hiện bà D có những tài sản như bà D trình bày. Cơ quan công an cũng không lập biên bản xác định những tài sản bà D bị mất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải bồi thường cho bà D là không có căn cứ. Mặt khác, người làm chứng không khách quan, không chứng minh được những tài sản của bà D là thật. Do đó, yêu cầu sửa án theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Đoàn Thị Thu D tranh tụng cho rằng số nữ trang bà D đeo là lúc trước bà đi mua với bà T khi cả hai chưa có mâu thuẫn. Những người làm chứng đều thấy bà D đeo đi chợ, sau khi bị bà T đánh, bà có vào công an trình báo nên bà cho rằng có căn cứ thể hiện bà bị mất tài sản khi xô xát với bà T. Do đó, án sơ thẩm xử có căn cứ, bà D đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về thủ tục tố tụng người tiến hành tố tụng và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, nguyên nhân dẫn tới xô xát là do bà T nên tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải bồi thường cho bà D là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp

luật. Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của ông Đặng Văn Q, người đại diện theo ủy quyền cho bà T, đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Theo đơn khởi kiện của bà Đoàn Thị Thu D và đơn phản tố của bà Đặng Ngọc T, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ dân sự về việc: "Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tài sản" là đúng; có đương sự là người nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, được quy định khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 470 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Theo tài liệu, chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm thu thập có trong hồ sơ đã thể hiện: Khoảng 8 giờ 30 phút, ngày 26/8/2009 tại quán ăn của ông Lạc, địa chỉ: chợ Hải sản thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, xảy ra vụ xô xát, đánh nhau giữa bà Đặng Ngọc T và bà Đoàn Thị Thu D. Nguyên nhân là do bà T cho rằng bà D nói bà T ăn cắp mẫu móng tay nên bà T cùng với bà T1, bà Y, bà D đi tìm bà D với mục đích để hỏi cho ra lẽ nhưng hai bên đã xảy ra xô xát dẫn tới đánh nhau. Bà T chủ động rủ nhiều người khác cùng đi tìm bà D trong khi đây là tin đồn, chưa xác định được có phải bà D nói hay không và thực tế khi gặp bà D tại quán ăn của ông Lạc, bà T chủ động dùng tay tát vào mặt bà D, dẫn đến hai bên đánh nhau nên lỗi trong vụ án này là do bà T gây ra, như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[3]. Theo quy định tại khoản 1 Điều 584 Bộ luật dân sự, căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại: *"Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường..."*. Đối chiếu với quy định trên, thì sau khi xô xát, đánh nhau giữa bà T và bà D; bà D bị thương tích và mất 01 số tài sản là nữ trang đeo trên người. Tài liệu, chứng cứ bà D cung cấp là Giấy xác nhận có đến Bệnh viện đa khoa huyện C và Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh điều trị 360.000 đồng tiền khám và thuốc, 100.000 đồng tiền xe đến Bệnh viện, tổng cộng 460.000 đồng. Ngoài ra, bà D còn cho rằng trong lúc xô xát, đánh nhau bà D bị mất một đôi bông tai hột xoàn 4,95 ly trị giá 2.500USD do ông Lâm Văn L là chồng của bà D mua từ Mỹ tặng, 01 lắc bạch kim trọng lượng 6,07gram, 01 dây chuyền bạch kim trọng lượng 15,91gram, 01 tua bông bạch kim trọng lượng

1,155gram. Để chứng minh cho lời trình bày này, bà D đã cung cấp hóa đơn mua bông tai hột xoàn tại Mỹ của ông Lợi và của bà D (BL: 144, 146). Do đó, số nữ trang trên của bà D là có thật. Song người đại diện theo ủy quyền của bà T cho rằng chưa có căn cứ để xác định ngày 26/8/2009, bà D đeo các nữ trang trên và bị mất khi xô xát với bà T. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Biên bản làm việc cùng ngày 26/8/2009 của Công an thị trấn M, ghi nhận thương tích của bà D: Mí mắt trái vết trầy dài 2cm, ở cổ 02 vết trầy dài 5cm, ở mặt 03 vết trầy dài 3cm; điều đó chứng tỏ bà T có giằng co, đánh, cào bấu từ vùng cổ đến vùng đầu và mặt của bà D; bà Bông, bà Ngậy, bà Thảo, bà Ngân xác nhận thấy bà D đeo số nữ trang trên trước khi bị bà T đánh. Người đại diện theo ủy quyền của bà T cho rằng các nhân chứng trên là người thân thích của bà D nên việc làm chứng trên không vô tư, không khách quan. Tuy nhiên, ngoài những lời khai của các nhân chứng trên, còn có lời khai của các nhân chứng khác ở khu vực chợ xác nhận có thấy bà D đeo nữ trang, sau khi đánh nhau nghe nói bà D bị mất hột xoàn, dây chuyền (BL: 23, 26), một người đi chợ nhặt được 01 tua bông bạch kim giao trả cho bà D. Đồng thời, sau khi sự việc xảy ra bà D làm việc với Công an thị trấn L ngày 26/8/2009 và hòa giải ngày 21/9/2009, bà D đều khai báo mất tài sản trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hai bên xô xát, đánh nhau bà D mất tài sản là 01 lắc, 01 dây chuyền, 01 tua bông đều bằng bạch kim, là có căn cứ; đối với hột xoàn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tai bà D đeo bông bạch kim, không thể đeo hột xoàn là phù hợp.

[4]. Để đảm bảo thi hành án, buộc bà T bồi thường cho bà D bằng tiền theo biên bản định giá tài sản ngày 13/9/2011 là: 01 lắc bạch kim 6,07gram trị giá 7.648.200 đồng, 01 dây chuyền 15,91gram trị giá 20.046.600 đồng, 01 tua bông 1,155gram trị giá 1.455.300 đồng; tổng cộng 29.150.100 đồng là phù hợp.

[5]. Xét kháng cáo của ông Q, yêu cầu buộc bà D phải bồi thường thương tích cho bà T do bà D gây ra. Tuy nhiên, khi làm việc với Công an thị trấn L ngày 26/8/2009, không ghi nhận thương tích trên cơ thể của bà T, bà T không cung cấp chứng từ khám và cho thuốc của Bệnh viện; chỉ cung cấp hóa đơn bán lẻ thuốc của tư nhân là 177.000 đồng. Bà T yêu cầu bà D bồi thường 177.000 đồng tiền thuốc và 400.000 đồng tiền xe đến bệnh viện là chưa đủ căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu này của bà T là phù hợp.

[6]. Nay ông Q đại diện cho bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không được chấp nhận; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận; bà T phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đặng Văn Q người đại diện theo ủy quyền cho bà Đặng Ngọc T; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ các Điều 604, Điều 605, Điều 606, Điều 608 và Điều 609 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 06 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 37, Điều 147, Điều 153, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Pháp lệnh án phí, Lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thu D.

- Về bồi thường thiệt hại sức khỏe: Công nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại sức khỏe giữa bà Đặng Ngọc T và bà Đoàn Thị Thu D. Bà T tự nguyện bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà D với số tiền là 460.000 (bốn trăm sáu mươi nghìn) đồng, trong đó tiền thuốc 360.000 đồng và tiền xe đi lại 100.000 đồng.

- Về bồi thường thiệt hại tài sản: Buộc bà Đặng Ngọc T bồi thường thiệt hại cho bà Đoàn Thị Thu D số tiền 29.150.100 đồng tương đương với giá trị số tài sản bị mất cụ thể: 01 chiếc lắc đeo tay bạch kim trọng lượng 6,07 gram, 01 dây chuyền bạch kim trọng lượng 15,91 gram và 01 tua bông bạch kim trọng lượng 1,155 gram, tất cả bằng bạch kim Italia.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đặng Ngọc T yêu cầu bà Đoàn Thị Thu D bồi thường thiệt hại sức khỏe với số tiền 577.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đoàn Thị Thu D có nghĩa vụ nộp 4.500.000 đồng nhưng được trừ vào 250.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 008429 ngày 12-10-2009 và 1.190.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 005764 ngày 05-5-2010 do bà D nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu và 1.540.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số

0007935 ngày 26-11-2014 do bà D nộp cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh thu. Bà D có nghĩa vụ tiếp tục nộp 1.520.000 đồng tiền án phí.

Buộc bà Đặng Ngọc T nộp 1.457.500 đồng tiền án phí.

Riêng bà Đặng Ngọc T tự nguyện bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bà D, vì vậy buộc bà phải có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dán sự có quyền thoả thuận thỉ hành án, quyền yêu cầu thỉ hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Ngọc T phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012967 ngày 11/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh. Bà T đã nộp xong án phí.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Trà Vinh (1);
- VKSND tỉnh Trà Vinh (1);
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh (1);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (1);
- Đương sự (2)
- Lưu VP (6), HS (1), (16b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý